

Bản án số: 1016/2017/HNGĐ- ST

Ngày: 31/8/2017

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thái Thành

2. Ông Huỳnh Ngọc Kính

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai Trang- Thư ký Toà án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngon - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 746/2017/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2017, về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 14/8/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà T, sinh năm 1977

Địa chỉ: 09 Đường số V, Phường B, Quận J, Thành phố H

Địa chỉ liên lạc: Ấp L, xã A, huyện N, tỉnh Đ. (Có mặt)

Bị đơn: Ông D, sinh năm 1970

Địa chỉ: 09 Đường số V, Phường B, Quận J, Thành phố H (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn bà T trình bày:

Bà T và ông D sống chung năm 2001 không đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống không hạnh phúc do ông D không lo làm ăn, thường xuyên vắng nhà. Bà T đã nhiều lần đưa con về nhà cha mẹ ruột sinh sống, nghĩ đến con bà T lại đưa con về sống cùng ông D. Bà T đã khuyên can nhiều lần nhưng ông D không thay đổi từ đó tình cảm vợ chồng dần dần phai nhạt. Nhận thấy tình cảm không còn nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông D. Quá trình chung sống ông D và bà T có một con chung tên TT, sinh ngày 29/7/2003. Hiện nay con chung đang sống với bà T, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng. Ông D và bà T không có tài sản chung và không có nợ chung. Về án phí dân sự sơ thẩm bà T xin chịu toàn bộ.

Bị đơn ông D trình bày: Ông D xác nhận lời khai của bà T là đúng sự thật. Ông và bà T sống chung từ năm 2001 nhưng chưa đăng ký kết hôn do bà T thường xuyên bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Ông D cũng đã cố gắng hàn gắn tình cảm với bà T nhưng cả hai không hợp tính tình, không hiểu nhau và bà T cũng không phù hợp với gia đình của ông nên cuộc sống chung không hạnh phúc. Nay bà T muốn ly hôn thì ông D đồng ý. Ông D đồng ý giao con chung tên TT, sinh ngày 29/7/2003 cho bà T nuôi dưỡng, ông D cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng. Quá trình chung sống ông D và bà T không có tài sản chung và không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự tuân thủ pháp luật, không có vi phạm tố tụng. Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét đơn của bà T thì đây là vụ án dân sự tranh chấp về ly hôn, trong đó bị đơn cư trú tại Quận 8. Vì vậy, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 theo Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về các yêu cầu và trách nhiệm của các đương sự:

Về hôn nhân: bà T và ông D sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2001 nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và

chồng. Bà T yêu cầu ly hôn ông D, căn cứ khoản 2, Điều 53, khoản 1 Điều 14 luật Hôn nhân gia đình 2014 Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông D.

Về con chung: Hội đồng xét xử nhận thấy ông D và bà T có một con chung tên TT, sinh ngày 19/7/2003. Việc nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là nghĩa vụ và quyền lợi của cha mẹ. Xét tình trạng thực tế hiện nay con chung đang sống chung với bà T và có nguyện vọng sống cùng với mẹ. Bà T có yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung vì vậy tiếp tục giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Xét bà T và ông D đã thống nhất ông D sẽ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/ tháng là phù hợp với qui định của pháp luật nên chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự khai không có nên không đặt vấn đề giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1/ Chấp nhận yêu cầu của bà T:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông D.

- Về con chung: Giao cho bà T trực tiếp nuôi một con chung tên TT, sinh ngày 19/7/2003. Ông D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000(Ba triệu) đồng/tháng. Bắt đầu việc cấp dưỡng khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có thể xin thay đổi việc nuôi con hoặc đóng góp phí tổn nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà T, nếu ông D không thực hiện đúng việc đóng góp nuôi con nói trên, thì hàng tháng ông D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tại thời điểm thanh toán

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có nên Tòa không đặt vấn đề giải quyết.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng bà T phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0013087 ngày 05/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Bà T, ông D có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THA DS Q8;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thúy Hòa